

RESPIRATORY HEALTH STATUS AMONG GARMENT WORKERS IN THAI NGUYEN PROVINCE, 2024

Hoang Van Lam^{1*}, Ha Lan Phuong², Do Van Ham¹, Nguyen Thi Quynh Hoa¹

¹ National Institute of Occupational and Environmental Health - No. 57, Le Quy Don Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City, Vietnam

² Thai Nguyen University of Medicine and Pharmacy - 284 Luong Ngoc Quyen Street, Phan Dinh Phung Ward, Thai Nguyen Province, Vietnam

Received: 26/08/2025

Revised: 05/10/2025; Accepted: 17/11/2025

ABSTRACT

Objective: This study aimed to describe the prevalence of respiratory diseases among garment workers in Thai Nguyen province in 2024.

Methods: A cross-sectional descriptive study was conducted in 2024 on 940 workers directly employed at three garment factories in Thai Nguyen province.

Results: Female workers accounted for 85.1%, with most aged 20-29 years (41.9%) and 30-39 years (40.3%). Workers with less than five years of occupational tenure comprised 71.9%. The prevalence of nasal diseases was 39.1%, bronchial and pulmonary diseases 13.7%, and impaired respiratory function 13.0%. There was a significant association between nasal diseases and occupational tenure.

Conclusion: Respiratory diseases remain a major occupational health concern among garment workers in Thai Nguyen. Therefore, textile and garment enterprises should implement intervention programs to minimize occupational hazards and to protect and improve workers' health.

Keywords: Respiratory diseases; garment workers; Thai Nguyen.

*Corresponding author

Email: hoanglamytn@gmail.com Phone: (+84) 966222565 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD21.3800>

THỰC TRẠNG MỘT SỐ BỆNH HÔ HẤP CỦA CÔNG NHÂN NGÀNH DỆT MAY TẠI TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2024

Hoàng Văn Lâm^{1*}, Hà Lan Phương², Đỗ Văn Hàm¹, Nguyễn Thị Quỳnh Hoa¹

¹ Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên- 284 Đường Lương Ngọc Quyến, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

² Viện Sức khỏe nghề nghiệp và môi trường- Số 57, phố Lê Quý Đôn, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận bài: 26/08/2025

Ngày chỉnh sửa: 05/10/2025; Ngày duyệt đăng: 17/11/2025

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả thực trạng một số bệnh hô hấp ở công nhân ngành dệt may tại tỉnh Thái Nguyên năm 2024.

Đối tượng và phương pháp: Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 940 người lao động làm việc trực tiếp tại 03 công ty, xí nghiệp may mặc trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2024.

Kết quả: Người lao động là nữ giới chiếm 85,1%; độ tuổi chủ yếu ở nhóm 20-29 tuổi (41,9%) và 30-39 tuổi (40,3%); tuổi nghề dưới 5 năm chiếm 71,9%; Tỷ lệ người lao động mắc các bệnh ở mũi chiếm 39,1%; Bệnh phế quản, phổi chiếm 13,7%; Biểu hiện suy giảm chức năng hô hấp chiếm 13%. Có mối liên quan giữa các bệnh ở mũi với tuổi nghề của người lao động.

Kết luận: Bệnh hô hấp vẫn đang là vấn đề sức khỏe đáng lo ngại đối với người lao động ngành dệt may tại Thái Nguyên. Do đó, các công ty, xí nghiệp dệt may cần phải có các chương trình can thiệp nhằm giảm thiểu tác hại nghề nghiệp, bảo vệ sức khỏe và nâng cao sức khỏe cho người lao động.

Từ khóa: Bệnh hô hấp; công nhân may; Thái Nguyên.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tại Việt Nam, trong những năm gần đây, ngành công nghiệp dệt may đã trở thành một trong những lĩnh vực kinh tế mũi nhọn, góp phần quan trọng trong việc tạo ra việc làm cho người lao động, đóng góp ngày càng nhiều cho ngân sách và thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội của đất nước [1-2].

Ngành dệt may có một số đặc trưng nổi bật như lực lượng lao động chủ yếu là nữ giới, dây chuyền sản xuất tương đối đơn giản nhưng công việc mang tính gò bó và yêu cầu nhịp độ công việc nhanh. Quá trình sản xuất thường phát sinh nhiều bụi, đi kèm các điều kiện vi khí hậu bất lợi... Tất cả những yếu tố trên đều tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng xấu tới sức khỏe người

lao động [3-4]. Đặc biệt là gia tăng nguy cơ mắc các bệnh lý đường hô hấp như viêm mũi dị ứng, viêm phế quản mạn tính,... ảnh hưởng không nhỏ đến sức khỏe, năng suất lao động và chất lượng cuộc sống của người lao động [5-6].

Tại Thái Nguyên, cùng với sự phát triển của các khu công nghiệp, các nhà máy may mặc đã thu hút một lượng lớn công nhân làm việc. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều vấn đề về môi trường và sức khỏe chưa được quan tâm đầy đủ. Số liệu về thực trạng bệnh hô hấp ở công nhân ngành dệt may vẫn còn hạn chế. Để góp phần chăm sóc sức khỏe, dự phòng các bệnh hô hấp, cũng như các bệnh liên quan đến nghề nghiệp

*Tác giả liên hệ

Email: hoanglamytn@gmail.com Điện thoại: (+84) 966222565 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD21.3800>

cho người lao động ngành dệt may tại tỉnh Thái Nguyên, chúng tôi thực hiện đề tài này với mục tiêu: “*Mô tả thực trạng một số bệnh hô hấp ở công nhân ngành dệt may tại tỉnh Thái Nguyên năm 2024*”.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

- Tiêu chuẩn lựa chọn: Người lao động làm việc trực tiếp tại các phân xưởng sợi và may, có thời gian làm việc liên tục trên 12 tháng.
- Tiêu chuẩn loại trừ: Người lao động không có mặt tại thời gian nghiên cứu (nghỉ ốm, ...)

2.2. Địa điểm, thời gian nghiên cứu

- Địa điểm nghiên cứu: Nghiên cứu được tiến hành tại 03 công ty, xí nghiệp may mặc trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (Công ty cổ phần đầu tư và phát triển TĐT; Xí nghiệp may Chiến Thắng và Xí nghiệp may Việt Thái, thuộc công ty cổ phần TNG Thái Nguyên). Cả 3 đơn vị có đặc điểm chung là các doanh nghiệp may mặc có tỷ lệ cao công nhân nữ và thường xuyên tiếp xúc với các bụi, nguyên liệu tổng hợp (Hỗn hợp cotton có hàm lượng từ 10% đến 30% polyester).

- Thời gian nghiên cứu: từ tháng 10 đến tháng 11/2024.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp: nghiên cứu mô tả
- Thiết kế: cắt ngang

2.4. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu

- Cỡ mẫu được tính theo công thức ước lượng một tỷ lệ:

$$n = \frac{Z_{1-\alpha/2}^2 pq}{d^2}$$

Trong đó: α là xác suất sai lầm loại 1, Z là trị số từ phân phối chuẩn, với độ tin cậy 95% ta có $Z_{1-\alpha/2} = 1,96$; d là sai số mong muốn, chọn $d = 0,03$; chọn $p = 0,14$ (Tỷ lệ mắc viêm mũi dị ứng trong công nhân may tại Nam Định theo nghiên cứu của Nguyễn Giang Long là 14,3 %) [6]. Cỡ mẫu tối thiểu tính được là $n = 514$ người, thực tế chúng tôi chọn được 940 người lao động.

- **Chọn mẫu:** Chọn một số phân xưởng, dây chuyền chính trong 3 cơ sở đã chọn. Tiến hành chọn cá thể theo phương pháp ngẫu nhiên đơn và chọn được 940 công nhân, trong đó: Công ty may TNG có 1000 công nhân: chọn lấy 450 công nhân; Xí nghiệp may Chiến Thắng có 400 công nhân: chọn lấy 240 công nhân; Công ty may TĐT có 500 công nhân chọn lấy 250 công nhân.

2.5. Biến số, chỉ số nghiên cứu

- Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu: giới tính, tuổi đời, tuổi nghề.

- Đặc điểm bệnh hô hấp: Tỷ lệ bệnh ở mũi; bệnh phế quản, phổi; Tỷ lệ suy giảm chức năng hô hấp (CNHH) của đối tượng nghiên cứu. Mối liên quan giữa bệnh ở mũi, phế quản - phổi với tuổi nghề.

2.6. Phương pháp thu thập số liệu

Các thông tin cá nhân và dữ liệu về các bệnh hô hấp được thu thập từ hồ sơ khám sức khỏe định kỳ và khám bệnh nghề nghiệp năm 2024 của người lao động tại ba cơ sở nghiên cứu, sau đó được ghi chép vào mẫu bệnh án nghiên cứu được xây dựng trên mục tiêu và các biến số, chỉ số nghiên cứu. Việc chẩn đoán các bệnh hô hấp được thực hiện bởi các bác sĩ chuyên khoa, tuân thủ theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế.

2.7. Xử lý số liệu

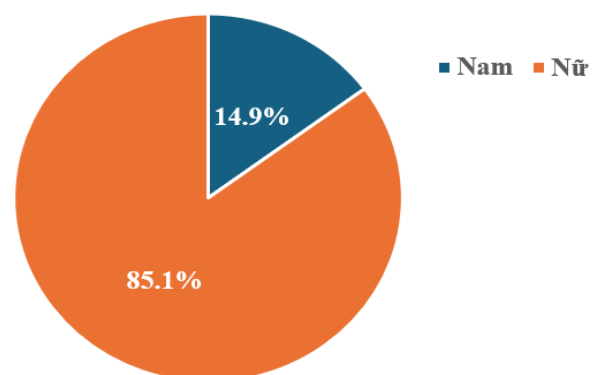
Các số liệu nghiên cứu được xử lý theo phương pháp thống kê Y sinh học, sử dụng phần mềm SPSS 22.0 để phân tích số liệu. Sử dụng các thuật toán thống kê cơ bản: tỷ lệ phần trăm, trung bình, test khi bình phương để xác định yếu tố liên quan.

2.8. Đạo đức trong nghiên cứu

Nghiên cứu được sự cho phép của lãnh đạo công ty than Công ty may TNG; Xí nghiệp may Chiến Thắng và Công ty may TĐT. Nghiên cứu nhằm mục tiêu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho người lao động. Những thông tin cá nhân đều được bảo mật và chỉ sử dụng vào mục đích nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu



Biểu đồ 1. Đặc điểm giới tính của đối tượng nghiên cứu

Nhận xét: Người lao động phần lớn là nữ giới chiếm 85,1%; nam giới thấp hơn chiếm 14,9%.

Bảng 1. Phân bố đối tượng nghiên cứu ở các đơn vị theo tuổi đời và tuổi nghề

Đơn vị		Việt Thái		Chiến Thắng		TĐT		Tổng	
		n	%	n	%	n	%	n	%
Tuổi đời	20-29 tuổi	204	45,3	86	35,8	104	41,6	394	41,9
	30-39 tuổi	197	43,8	84	35,0	98	39,2	379	40,3
	40-50 tuổi	49	10,9	70	29,2	48	19,2	167	17,8
Tuổi nghề	2 - < 3 năm	103	22,9	29	12,1	86	34,4	218	23,2
	3 - < 5 năm	246	54,7	119	49,6	93	37,2	458	48,7
	5 - 7 năm	101	22,4	92	38,3	71	28,4	264	28,1
Tổng		450	47,9	240	25,5	250	26,6	940	100,0

Nhận xét: Đối tượng nghiên cứu chủ yếu ở nhóm 20-29 tuổi (41,9%) và 30-39 tuổi (40,3%), nhóm 40 -50 tuổi chiếm tỷ lệ thấp nhất (17,8%). Tuổi nghề tập trung nhiều nhất ở nhóm 3 đến 5 năm (48,7%) và nhóm thấp nhất là nhóm 2 đến 3 năm (23,2%).

3.2. Thực trạng một số bệnh hô hấp của đối tượng nghiên cứu

Bảng 2. Tỷ lệ mắc và cơ cấu bệnh hô hấp của đối tượng nghiên cứu

Bệnh hô hấp		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Bệnh ở mũi	Viêm mũi dị ứng	161	17,1
	Viêm mũi cấp tính	132	14,0
	Viêm mũi mạn tính	38	4,0
	Các bệnh mũi khác	37	3,9
Tổng		368	39,1
Bệnh phế quản - phổi	Viêm phế quản	73	7,8
	Bụi phổi bông	7	0,7
	Tổn thương khác*	49	5,2
Tổng		129	13,7

Nhận xét: Tỷ lệ mắc bệnh ở mũi chiếm 39,1%, trong đó viêm mũi dị ứng và viêm mũi cấp tính là 2 bệnh thường gặp nhất, với tỷ lệ lần lượt là 17,1% và 14%. Tỷ lệ mắc bệnh phế quản, phổi chiếm 13,7%; trong đó viêm phế quản hay gặp nhất chiếm 7,8%; bệnh bụi phổi bông ít gặp nhất (0,7%).

*Các tổn thương khác bao gồm: xơ hóa, dẫn phế quản, phế nang,...

Bảng 3. Tỷ lệ đối tượng nghiên cứu có biểu hiện suy giảm chức năng hô hấp

Đơn vị	Suy giảm CNHH		Không suy giảm CNHH	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Việt Thái	56	12,4	394	87,6
Chiến Thắng	32	13,3	208	86,7
TĐT	34	13,6	216	86,4
Tổng	122	13,0	818	87,0

Nhận xét: Tỷ lệ có biểu hiện suy giảm CNHH chung của 3 công là 13%, dao động từ 12,4% đến 13,6%.

Bảng 4. Mối liên quan giữa bệnh ở mũi và tuổi nghề của đối tượng nghiên cứu

Bệnh ở mũi Tuổi nghề	Mắc bệnh		Không bệnh		p
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	
2 - < 3 năm	46	21,1	172	78,9	-
Từ 3 - <5 năm	176	38,4	282	61,6	<0,01
Từ 5 - 7 năm	146	55,3	118	44,7	<0,01
Tổng	368	39,1	572	60,9	

Nhận xét: Tỷ lệ mắc bệnh ở mũi tăng rõ theo tuổi nghề, người lao động có tuổi nghề từ 3-<5 năm có nguy cơ cao gấp khoảng 2,3 lần và nhóm 5-7 năm cao gấp khoảng 4,6 lần so với nhóm có tuổi nghề từ 2-<3 năm, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p<0,01$.

Bảng 5. Mối liên quan giữa bệnh phế quản - phổi và tuổi nghề của đối tượng nghiên cứu

Bệnh phế quản-phổi Tuổi nghề	Mắc bệnh		Không bệnh		p
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	
2 - < 3 năm	26	11,9	192	88,1	>0,05
Từ 3 - <5 năm	64	14,0	394	86,0	
Từ 5 - 7 năm	39	14,8	225	85,2	
Tổng	129	13,7	811	86,3	

Nhận xét: Tỷ lệ mắc bệnh phế quản, phổi tăng dần theo tuổi nghề, tuy nhiên sự khác biệt chưa có ý nghĩa thống kê với $p>0,05$.

4. BÀN LUẬN

4.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện trên 940 người lao động làm việc tại 3 đơn vị may mặc tỉnh Thái Nguyên năm 2024, kết quả cho thấy, phần lớn người lao động là nữ giới chiếm 85,1%. Kết quả này chúng tôi cho rằng phù hợp với cơ cấu lao động trong ngành may mặc ở Việt Nam và phù hợp với đặc thù của ngành nghề đòi hỏi sự khéo léo, tỉ mỉ trong quá trình sản xuất. Người lao động là nữ giới thường có thể lực yếu hơn so với nam giới và có những giai đoạn dễ cảm nhiễm bệnh tật hơn như khi mang thai, cho con bú..., vì vậy đòi hỏi các đơn vị sử dụng lao động cần phải có kế hoạch chăm sóc sức khỏe tốt, tạo môi trường làm việc thuận lợi nhất cho người lao động là nữ giới. Kết quả của chúng tôi có sự tương đồng với nghiên cứu của Hoàng Thị Giang (95,6%) và Hoàng Thị Thúy Hà (88,4%) [5].

Tuổi đời của người lao động thường gắn liền với kinh nghiệm nghề nghiệp và là vấn đề có liên quan đến khả năng lao động. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi ở bảng 1 cho thấy, phần lớn người lao động ở nhóm tuổi từ 20-29 tuổi (41,9%) và 30-39 tuổi (40,3%), kết quả này cho thấy lực lượng lao động trong ngành nghề dệt may tại 3 đơn vị của Thái Nguyên chủ yếu là người trẻ, đây là độ tuổi có khả năng thích nghi cao nhưng cũng dễ bị ảnh hưởng lâu dài bởi yếu tố nghề

nghiệp nếu tiếp xúc kéo dài với bụi bông và hóa chất. Kết quả này cũng tương đồng với nhiều nghiên cứu của các tác giả trong nước như nghiên cứu của Võ Thị Minh Phú tại Đồng Nai, nhóm tuổi từ 20-29 tuổi chiếm 40,7% và 30-39 tuổi chiếm 43,2% [7], nghiên cứu của Nguyễn Giang Long tại Nam Định, người lao động phần lớn ở độ tuổi dưới 40 chiếm 73,3% [6]. Kết quả ở bảng 1 cũng cho thấy, phần lớn người lao động có tuổi nghề dưới 5 năm chiếm 71,9% (nhóm từ 2 -<3 năm chiếm 23,2%; 3 đến 5 năm chiếm 48,7%), tỷ lệ người lao động có tuổi nghề cao từ 5 đến 7 năm chỉ chiếm 28,1%. Người lao động có tuổi nghề >5 năm trong nghiên cứu của chúng tôi thấp hơn so với nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Sơn tại Hà Nam (tuổi nghề >5 năm chiếm 41,5%) [8].

4.2. Thực trạng một số bệnh hô hấp của đối tượng nghiên cứu

Mũi họng là một trong những cơ quan tương đối nhạy cảm với các yếu tố nguy cơ từ môi trường lao động, người lao động trong ngành dệt may thường xuyên phải tiếp xúc với bụi bông, hóa chất nhuộm, điều kiện thông gió hạn chế tại nơi làm việc, do đó có nguy cơ mắc các bệnh ở mũi họng cao hơn người lao động trong các ngành nghề khác. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi tại Bảng 3.2 cho thấy, tỷ lệ người lao động mắc các bệnh ở mũi tương đối cao chiếm 39,1%, tỷ lệ này của chúng tôi cao hơn nhiều so với nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Sơn tại Hà Nam (tỷ lệ mắc bệnh mũi họng chiếm 19%) [8]; nghiên cứu của Hoàng Thị Giang, bệnh ở mũi họng chiếm 15,3% [3]. Về cơ cấu bệnh ở mũi, trong nghiên cứu của chúng tôi, viêm mũi dị ứng và viêm mũi cấp tính là hay gặp nhất chiếm 17,1% và 14%; Viêm mũi mạn tính và các bệnh mũi khác có tỷ lệ thấp hơn nhưng vẫn cần quan tâm vì có thể dẫn đến biến chứng hoặc giảm chất lượng cuộc sống của người lao động.

Theo kết quả ở bảng 3.3 của chúng tôi cho thấy, tỷ lệ người lao động mắc bệnh phế quản - phổi chiếm 13,7%. Tỷ lệ này tương đồng với nghiên cứu của tác giả Nguyễn Ngọc Sơn, tỷ lệ mắc bệnh phế quản, phổi chiếm 14,7% [8]; nghiên cứu của Hoàng Thị Giang, nhóm bệnh phế quản phổi chiếm 11,6% [3]. Trong nhóm bệnh phế quản - phổi, viêm phế quản chiếm tỷ lệ cao nhất (7,8%), viêm phế quản là một trong những bệnh có liên quan nhiều đến ảnh hưởng của ô nhiễm bụi hữu cơ trong môi trường làm việc và nó gây tổn hại nhiều đến chức năng hô hấp, giai đoạn muộn của viêm phế quản và bệnh bụi phổi bông thường khó phân biệt. Bụi phổi bông được xem là một bệnh nghề nghiệp điển hình của công nhân

trong ngành dệt may, trong nghiên cứu của chúng tôi, tỷ lệ mắc bệnh bụi phổi bông là 0,7%. Mặc dù bệnh chiếm tỷ lệ tương đối thấp nhưng sự xuất hiện của bệnh cho thấy các biện pháp kiểm soát bụi chưa được thực hiện triệt để, ở nhiều quốc gia phát triển, bệnh bụi phổi bông gần như đã được kiểm soát hoàn toàn nhờ áp dụng hệ thống hút bụi, lọc khí và trang bị bảo hộ cá nhân đạt chuẩn. Như vậy, bệnh bụi phổi bông ở người lao động ngành dệt may Thái Nguyên vẫn là vấn đề sức khỏe nghề nghiệp cần được nghiên cứu, can thiệp để giảm thiểu và tiến tới có thể loại trừ. Theo kết quả ở bảng 3, tỷ lệ người lao động có biểu hiện suy giảm chức năng hô hấp (CNHH) là 13% và có sự tương đồng giữa các công ty, tỷ lệ này của chúng tôi cao hơn so với tỷ lệ trong nghiên cứu của Võ Thị Minh Phú tại Đồng Nai, tỷ lệ có bất thường chức năng hô hấp là 8% [7].

Kết quả phân tích ở bảng 4 cho thấy, tỷ lệ mắc bệnh ở mũi tăng dần theo tuổi nghề của người lao động. Chúng tôi cho rằng, khi tuổi nghề càng cao thì thời gian tiếp xúc với các yếu tố gây hại càng tăng, ảnh hưởng đến sức khỏe của người lao động, do đó cần phải tăng cường các biện pháp phòng ngừa để giảm nguy cơ như cải thiện hệ thống thông gió, giảm nồng độ bụi bông trong không khí, và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động. Một số nghiên cứu khác ở trong nước cũng cho thấy, tuổi nghề là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến tỷ lệ mắc bệnh mũi họng, khi tuổi nghề tăng thì tỷ lệ mắc các bệnh này đều tăng [3], [8]. Phân tích mối liên quan giữa bệnh phế quản - phổi với tuổi nghề ở bảng 5 cho thấy, tỷ lệ mắc bệnh phế quản, phổi tăng dần theo tuổi nghề, tuy nhiên sự khác biệt chưa ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$). Điều này có thể do khoảng thời gian làm việc của đối tượng nghiên cứu (2-7 năm) chưa đủ dài để bộc lộ rõ rệt các bệnh mạn tính tiến triển chậm như bệnh bụi phổi bông. Ngoài ra, sự khác biệt về các biện pháp bảo hộ, chế độ thông gió, và thói quen cá nhân có thể đóng vai trò điều hòa mối liên quan này.

5. KẾT LUẬN

Bệnh hô hấp vẫn đang là vấn đề sức khỏe đáng lo ngại đối với người lao động trong ngành dệt may tại tỉnh Thái Nguyên. Do đó các công ty, xí nghiệp dệt may cần phải cải thiện môi trường lao động, tăng cường biện pháp bảo hộ, cải thiện hệ thống thông gió, tổ

chức khám sức khỏe định kỳ và có các chương trình can thiệp nhằm giảm thiểu tác hại nghề nghiệp, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của người lao động.

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyen Thi Van Anh, Catherine Nguyen Dang. The Role of Textile Export in Vietnam's Exports and Economic Growth: View from Quantitative Analysis. *Journal of Economics & Management Research*, 2023, 4, p. 1-8.
- [2] Tran Thi Bich Nhung, Tran Thi Phuong Thy. Vietnam's textile and garment industry: An overview. *Journal of Business & IT*, 2018, VIII (2), p. 45-53.
- [3] Hoàng Thị Giang, Lê Tuấn Anh, Vũ Hải Linh, Phạm Minh Khuê. Thực trạng điều kiện lao động và sức khỏe công nhân ngành may tại công ty TNHH Haivina Kim Liên, Nghệ An năm 2020. *Tạp chí Y học Việt Nam*, 2020, 503 (1), tr. 126-132.
- [4] Bùi Hoài Nam, Nguyễn Đức Trọng, Nguyễn Thị Thùy Dương. Điều kiện lao động nữ công nhân may công nghiệp ở Công ty trách nhiệm hữu hạn Minh Anh. *Tạp chí Y học dự phòng*, 2015, 8(168), tr. 499-507.
- [5] Hoàng Thị Thúy Hà. Thực trạng môi trường, sức khỏe, bệnh tật ở công nhân may Thái Nguyên và hiệu quả một số biện pháp can thiệp, Luận án tiến sĩ Y học, Đại học Thái Nguyên, 2015.
- [6] Nguyễn Giang Long. Thực trạng viêm mũi dị ứng do dị nguyên bụi bông ở công nhân dệt may Nam Định và kết quả giải pháp can thiệp, Luận án tiến sĩ y tế công cộng, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, 2018.
- [7] Võ Thị Minh Phú. Tình hình sức khỏe, cơ cấu bệnh tật của nữ công nhân may thuộc công ty Đ.T, tỉnh Đồng Nai qua khám sức khỏe định kỳ năm 2020. *Tạp chí Hoạt động KHCN An toàn - Sức khỏe & Môi trường lao động*, 2022, số 1,2&3-2022, tr. 45-50.
- [8] Nguyễn Ngọc Sơn, Bùi Hoài Nam. Thực trạng sức khỏe của nữ công nhân may công ty Seyang Corporation Việt Nam tại tỉnh Hà Nam năm 2022 và một số yếu tố liên quan. *Tạp chí Y học Việt Nam*, 2023, tập 528 (1), tr. 226-231.